

Số: ~~1644~~ QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2016

BAN DÂN TỘC

ĐẾN

Số: 860
Ngày: 30/8/2016
Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Dân tộc áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;
Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban Dân tộc về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc;
Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
Xét đề nghị của Trưởng ban Dân tộc tại Tờ trình số 03/TTr-BDT ngày 09/5/2016 và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Dân tộc được áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3; ✓
- Cục kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo, VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hoàng

1945-1946
1947-1948

1949-1950
1951-1952

1953-1954
1955-1956

1957-1958
1959-1960

1961-1962
1963-1964

1965-1966
1967-1968

1969-1970
1971-1972

1973-1974
1975-1976

1977-1978
1979-1980

1981-1982
1983-1984

1985-1986
1987-1988

1989-1990
1991-1992



PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC DÂN TỘC
ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính bổ sung mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
1.	Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK.	01

Phần II

NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC DÂN TỘC ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

1. Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (ĐBK).

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** Trưởng thôn tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của thôn có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận chỉ đạo của xã.

Các thôn đăng ký với trưởng thôn nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng thôn lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 3 ngày làm việc kể từ ngày thôn tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

- **Bước 2:** Trưởng thôn tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, đại diện một số gia đình có trong danh sách; trưởng thôn lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 2 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

- **Bước 3:** Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở thôn; lập danh sách thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

- **Bước 4:** Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện rà soát, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu của các xã, lập hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách của từng xã chi tiết đến từng hộ, từng thôn) gửi Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

- **Bước 5:** Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg đồng thời lập Đề án gửi Ủy ban Dân tộc kiểm tra. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện

- Qua bưu điện;
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị phê duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách;
- Danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg do Ủy ban nhân dân cấp huyện lập;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

- 37 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện
- Cơ quan phối hợp: Không.


g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách được nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. 

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. *phần*